

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
111	Hẻm nhánh 222/22/1	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 250	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 278, 322, 352	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 278/13/1	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 278/46/1	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm nhánh 322/8/1	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 352/8/2	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 354A	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 283	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 311, 319, 337, 398	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 368	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 371, 389	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 389/1/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 382	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 420	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 420/40/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 420/24/2	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 452	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 452/24/4	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 452/28/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 472	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 498	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 498/22/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 516	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 516/38/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 532, 542	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 552	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 580	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 580/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 580/32/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/42/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/49/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/61/1	1	Suốt hẻm		310
	Hẻm 589	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 525	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 573, 596	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 573/3/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 593	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 638	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm nhánh 638/2/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 638/1/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 638/2/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 674	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 658, 684	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 684/9/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 684/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 708	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 708/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 708/18/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 708/22/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 716	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 726	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 726/22/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 744, 762, 780, 788	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 744/6/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 744/12/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 792	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 806, 814	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 49 (hẻm cũ 81 - P6)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 55 (P6)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4 Đ. Nguyễn Chí Thanh	2.000
	Hẻm 74 (P8)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 146 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	3.000
	Hẻm 166 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	3.000
	Hẻm 178 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	2.500
112	Đường Phạm Hùng	1	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	4.000
		2	Đường Coluso	Cổng 77	2.500
		3	Cổng 77	Cầu Saintard	2.000
	Hẻm 147A (P5)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 5	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 5/1	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp Kênh Cầu Xéo	500
	Hẻm 5/13	1	Hẻm 5/1	Hết thửa 166, tờ bản đồ số 33	300
	Hẻm 117	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa 177 tờ bản đồ số 34 Trần Mạnh Cường	1.000
		1	Giáp thửa 177 tờ bản đồ số 34 Trần Mạnh Cường	Cuối hẻm	800
	Hẻm 54	1	Suốt hẻm		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 112	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 126	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 158	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 222	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 245, tờ bản đồ số 34 Nguyễn Thị Thu Hên	500
	Hẻm 663	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 100, tờ bản đồ số 7 ông Hai Tèo	500
	Hẻm 838	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 843	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 843/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 843/2	1	Suốt hẻm		250
113	Đường Cao Thắng	1	Đường Coluso	Hết thửa đất 51, tờ bản đồ số 45	2.000
		2	Giáp thửa đất 51, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Hùng	1.000
	Hẻm 13	1	Giáp đường Cao Thắng	Hết thửa đất số 91, tờ bản đồ 19	500
	Hẻm 91	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 4, tờ 48 Lý Văn Hiền	300
	Hẻm 143	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 119 của hộ ông Nguyễn Văn Chơ	300
	Hẻm 290	1	Đầu ranh thửa 290, tờ bản đồ số 10 - Lê Thanh Hiền, đầu ranh thửa 17 tờ bản đồ số 24	Cầu Thanh niên khóm 6	450
114	Đường vào Cảng sông	1	Phạm Hùng	Cao Thắng	1.500
115	Đường Chông Chác	1	Kênh Thị Đội	Tôn Đức Thắng	600
	Hẻm 96, 134, 145, 167 172, 182, 214, 215 (P5)	1	Suốt hẻm		250
116	Đường Lương Định Của	1	Cổng Chông Chác	Giáp ranh huyện Long Phú	2.500
	Hẻm 71, 81, 176, 192, 204 (P5)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 90 (P5)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 97 (P5)	1	Suốt hẻm		500
	Đường Kênh Xáng (Coluso) - Nhánh 1 và Nhánh 2	1	Đường Bà Triệu	Hết thửa đất 21, tờ bản đồ số 43 - Hết thửa đất 4, tờ bản đồ số 43	1.800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
117	Hẻm 24 Cầu đen Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết thửa 138, tờ bản đồ số 38 Huỳnh Thị Dư	400
		1	Giáp thửa 138, tờ bản đồ số 38 Huỳnh Thị Dư	Cuối hẻm	400
	Hẻm 68 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 84 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Đường Cầu Đen	Hết thửa 125, tờ bản đồ số 33 Vương Tuấn Phát	400
	Hẻm 63	1	Đường Kênh Xáng (Coluso)	Giáp hẻm 84 (Cầu Đen), hết thửa 12 tờ bản đồ 39	500
	Hẻm nhánh 63/19	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 63/51	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 213	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 245	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 249	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 275	1	Suốt hẻm		300
118	Đường hẻm Cầu Đen - Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết thửa 504, tờ bản đồ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	500
		2	Giáp thửa 504, tờ bản đồ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	Hết thửa 42, tờ bản đồ số 31 Thạch Chiêu	400
		3	Giáp thửa 42, tờ bản đồ số 31 Thạch Chiêu	Cuối hẻm	350
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 24/5	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 68	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 84/11	1	Suốt hẻm		250
119	Đường lộ đá Coluso (P8)	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 21, tờ bản đồ số 43 - hết thửa đất 4, tờ bản đồ số 43	2.000
	Hẻm 10	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Kênh Xáng	500
	Hẻm 11	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Lê Duẩn	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
120	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa tỉnh song song với Lê Duẩn (P9)	1	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 tháng 2	3.600
121	Đường cấp Kênh 3/2 (P9)	1	Mạc Đĩnh Chi	Đường kênh Quảng Khuôl	500
		1	Đường Kênh Quảng Khuôl	Bạch Đằng	500
122	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn) K6P4	1	Sông Đinh	Giáp huyện Trần Đề	800
123	Đường Lê Đại Hành	1	Khóm 6, Phường 4		1.000
	Hẻm 764 (P4)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 769, 859 (P4)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 955 (P4)	1	Suốt hẻm		500
124	Lộ đá cấp kênh Cầu Xéo	1	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Chông Chác	600
	Hẻm 36, 68, 134, 236	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 248 (P5)	1	Suốt hẻm		250
125	Lộ nhựa (Coluso nối dài)	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cấp kênh cầu xéo	1.000
126	Đường kênh Quảng Khuôl	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30/4 - Khóm 5, P9	1.000
127	Lộ nhựa cấp kênh 8m - Phường 2	1	Toàn tuyến		800
128	Đường Trần Thủ Độ	1	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1A	1.500
129	Đường đê bao Trà Quýt (lộ đất cấp kênh đi Phụng Hiệp K3P7)	1	Quốc lộ 1A	Nguyễn Trường Tộ	600
130	Lộ đất giáp ranh huyện Mỹ Xuyên P10	1	Quốc lộ 1A	Đường Văn Ngọc Chính	450
131	Lộ nhựa cấp Quân khu IX	1	Đầu ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 53 (Khóm 3, Phường 2)	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1.500
	Hẻm 147	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 133	1	Suốt hẻm		550
	Hẻm 165	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 911/165	1	Suốt hẻm		300
132	Lộ nhựa cấp sông Maspero Phường 8	1	Từ đường Cao Thắng, giáp khán đài đua ghe Ngo	Giáp ranh thu hồi KCN (hết đất ông Thạch Huil)	1.500
133	Các hẻm vào khu vực chợ bàn cờ đường Hoàng Diệu	1	Toàn hẻm		5.000
134	Lộ đal Xóm Chài	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	1.000
135	Lộ đal Phường 9	1	Đường 30/4	Cuối đường	700
136	Hẻm 357 (đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	1	Suốt hẻm		1.700
137	Lộ kênh Trường Thọ	1	Kênh 30 tháng 4	Đường Kênh 19 tháng 5	600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ				
1	Lộ đá Khu dân cư Bình An	1	Toàn tuyến		2.500
2	Khu dân cư Hưng Thịnh	1	Toàn khu dân cư		4.000
3	Khu dân cư Tuấn Lan (P6)	1	Toàn khu dân cư		2.500
4	Khu dân cư Hạnh Phúc	1	Toàn khu dân cư		2.000
5	Khu dân cư của Hẻm 357 (điểm dân cư Trường Quân sự tỉnh)	1	Toàn khu dân cư		1.500
6	Khu dân cư Nguyễn Hưng Phát	2	Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư (trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ)		2.000
		1	Các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (đoạn từ đường Yết Kiêu đến Cầu Đức)		4.000
7	Khu dân cư Sáng Quang Phường 10	1	Toàn khu dân cư		1.500
8	Khu dân cư Sáng Quang Phường 2	1	Toàn khu dân cư		2.000
9	Khu dân cư Minh Châu				
	Đường A1, A2	1	Toàn tuyến		700
	Đường B	1	Quốc lộ 1A	Đường A2	2.500
		2	Đường A2	Đường A1	1.000
		3	Đường A1	Kênh 30/4	700
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	1	Toàn tuyến		700
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	1	Toàn tuyến		700
10	Khu dân cư xung quanh Trường Quân sự Quân Khu 9				
	Khu A	1	Các lô A5, A8, A12		5.000
	Khu B	1	Có mặt tiền giáp đường Trần Hưng Đạo		5.000
	Đường số 1	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	3.000
		2	Đường số 9	Đường số 7	2.300
	Các đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	1	Toàn tuyến		2.000
11	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A				
	Đường 9A, 9B, 14, 20, 22 và 23	1	Toàn tuyến		2.500
	Đường số 5, 6, 16	1	Toàn tuyến		3.000
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	1	Toàn tuyến		2.500
	Các đường còn lại trong KDC	1	Toàn tuyến		2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
B	THỊ XÃ NGÃ NĂM				
I	PHƯỜNG 1				
1	Đường Nguyễn Trung Trực.	1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (cầu Trắng cũ)	Cổng 5 Kẹ	4.500
		2	Cổng 5 Kẹ	Cầu Thanh niên (Khóm 1)	1.750
		3	Cầu Thanh niên (Khóm 1)	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	1.200
		4	Cầu Quản lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	Kênh 90	700
		5	Kênh 90	Hết tuyến	500
2	Lộ đal kênh Năm Kẹ	1	Giáp đường Phạm Hùng	Giáp ranh Phường 3	400
3	Đường 3 tháng 2	1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (Cầu trắng cũ)	Đường Trần Văn Bảy	5.800
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh chùa Phật Mẫu	4.200
		3	Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	2.500
		4	Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cổng đá	1.800
4	Đường Lê Hồng Phong	1	Suốt tuyến		4.500
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt tuyến		5.000
6	Đường Võ Thị Sáu	1	Suốt tuyến		4.500
7	Đường Trần Văn Bảy	1	Suốt tuyến		4.500
8	Đường Mai Thanh Thế	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	5.000
		2	Đường Trần Văn Bảy	Giáp đường Phạm Hùng	3.800
9	Đường Hùng Vương	1	Cầu Ngã Năm mới (ngang khu hành chính)	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đò cũ)	3.800
		2	Giáp đường Nguyễn Trãi (Cầu Đò cũ)	Cầu Đò mới	1.800
		3	Cầu Đò mới	Cầu Bến Long	1.000
10	Đường Trần Hưng Đạo	4	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp Phường 2)	400
		5	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp xã Long Bình)	250
11	Khu dân cư Khóm 3, Phường 1	1	Đường N1		1.500
		1	Đường N2		1.500
		1	Đường N22		1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
12	Đường N1 (Cụm công nghiệp Khóm 4)	1	Suốt tuyến		300
13	Đường 30 tháng 4	1	Mố cầu Đò cũ (đường 1-5) đến đầu voi	Hết ranh đất ông Năm Miên	1.000
		2	Giáp ranh đất ông Năm Miên	Đường nối Quốc lộ 61B (Nhánh rẽ 42 - Trà Ban)	700
14	Đường 1 tháng 5	1	Mố cầu Đò cũ	Rạch Xẻo Cạy	500
		2	Rạch Xẻo Cạy	Giáp ranh Phường 2	300
15	Đường Lê Văn Tám	1	Cầu Chùa Ông Bồn đến đầu voi	Hết ranh đất bà Ba Đề	600
		2	Giáp ranh đất bà Ba Đề	Hết ranh đất Hai Thời	400
		3	Giáp ranh đất Hai Thời	Cầu 2 Chánh giáp xã Vĩnh Quới	300
16	Đường Lê Văn Tám (đoạn mới làm)	1	Cầu chùa Ông Bồn	Hết ranh đất Hai Thời	300
17	Đường Lạc Long Quân	1	Giáp đường Mậu Thân	Hết ranh đất chùa Ông Bồn cũ	700
		2	Giáp ranh đất chùa Ông Bồn cũ	Giáp ranh xã Vĩnh Quới	250
18	Đường Mậu Thân	1	Giáp đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1.000
		2	Cầu treo	Cầu Đường Trâu	800
19	Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 61B)	1	Giáp đường Hùng Vương (mố cầu Đò cũ)	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1.300
20	Đường Lê Hoàng Chu	1	Suốt đường		300
21	Quốc lộ 61B	1	Giáp xã Long Bình	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	800
		2	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	Cầu Đò mới	600
		3	Cầu Đò mới	Giáp Đường 30/4	500
		3	Giáp Đường 30/4	Cầu Dừa (Trà Ban)	500
22	Lộ đal kênh 30/4	1	Giáp đường Phạm Hùng (nối dài)	Giáp ranh giới Phường 3	400
23	Đường Huỳnh Thị Tân	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	2.000
		2	Đoạn còn lại		400
24	Đường Phạm Hùng	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3/2	1.800
25	Đường Nguyễn Huệ	1	Giáp đường Mai Thanh Thê	Quản lộ Phụng Hiệp	1.800
26	Đường Nguyễn Văn Linh	1	Quản lộ Phụng Hiệp	Hết tuyến	1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
27	Quản lộ Phụng Hiệp	2	Kênh Cống Đá	Cầu kênh Phú Lộc - Ngã Năm	700
		1	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	700
		3	Kênh Bến Long	Ranh Phường 2	500
28	Đường Phạm Văn Đồng	1	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Linh	2.000
		2	Cầu Ngã Năm mới	Đường Nguyễn Huệ	1.800
29	Đường Xẻo Cạy (hai bên)	1	Giáp Đường 1 tháng 5	Giáp đường 30/4 (cầu Dừa)	250
30	Kênh 90 (hai bên)	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Ranh xã Phường 3	250
31	Lộ mới Khóm 2	1	Cầu chùa Ông Bồn	Bờ kè chợ nổi	300
II	PHƯỜNG 2				
1	Đường Cách Mạng Tháng 8	1	Cống Lý Thanh	Đường vào khu hành chính mới	3.100
2	Khóm 1	1	Đầu ranh đất bà Hoàng	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phường 2	2.200
3	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường vào khu hành chính mới	Hết đất cây xăng ông Dũng	2.000
		2	Giáp đất cây xăng ông Dũng	Kênh 8/3	1.000
		3	Kênh 8/3	Kênh Mỹ Lợi	500
		3	Kênh Mỹ Lợi	Cầu kênh Bình Hưng	500
		4	Cầu kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	350
4	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1	Giáp cống Lý Thanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Từ	700
		2	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh đến đầu voi	Hết ranh đất nhà máy Tư Mễnh	400
		3	Đầu ranh đất cây xăng Trường Thịnh	Giáp phường Trà Lồng - thị xã Long Mỹ - Hậu Giang	300
		3	Cầu Treo	Giáp Phường 1	300
		3	Đầu ranh đất Bà Hoàng	Giáp Phường 1	300
5	Đường Âu Cơ	1	Đầu ranh đất ông Sừng	Giáp đường Quản lộ - Phụng Hiệp	1.200
6	Khóm 1 (Ấp Tân Lập B)	1	Đầu ranh đất ông Tăng Văn Tuấn đến đầu voi	Hết ranh đất nhà ông Cà Hom	400
7	Khóm Tân Thành A	1	Đầu ranh đất Trại cửa Phú Cường đến đầu voi	Đến mố cầu treo	400

SOC TRAI

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Quản lộ Phụng Hiệp	4	Giáp huyện Mỹ Tú	Giáp kinh xáng Mỹ Phước	300
		2	Kinh Xáng Mỹ Phước	Kênh 8/3	500
		1	Kênh 8/3	Hết đất Bà Hoàng	600
		2	Giáp ranh đất bà Hoàng	Hết ranh trường THCS	500
		3	Giáp ranh đất Trường THCS	Giáp Phường 1	450
9	Quốc lộ 61B	1	Giáp ranh Cầu Dừa	Cầu Trà Ban (giáp ranh tỉnh Hậu Giang)	500
10	Đường UBND Phường	1	Đầu ranh đất UBND Phường	Giáp đường vào Trường học cũ	600
III	PHƯỜNG 3				
1	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp	1	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất Lộ rẽ Tám Tuần đầu nổi QLPH	1.000
		2	Giáp ranh đất Lộ rẽ Tám Tuần đầu nổi QLPH	Hết ranh đất ông Tám Thầy	650
		3	Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên (Nay thuộc phường 3)		1.300
		4	Đầu ranh đất Trường THCS Phường 3 (ngoại trừ đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên nay thuộc Phường 3)	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	1.000
		5	Giáp ranh đất Trường THCS Phường 3	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	400
2	Quản lộ Phụng Hiệp	1	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	600
		2	Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	450
		1	Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	600
		3	Cầu Nàng Rền	Giáp tỉnh Bạc Liêu	400
3	Tỉnh lộ 937B	1	Giao giữa Quản Lộ Phụng Hiệp - kênh Nàng Rền	Giáp ranh Mỹ Bình	350
4	Lộ kinh Huỳnh Yến	1	Cầu Cống Đá cũ	Giáp ranh Mỹ Bình	250
5	Lộ Kinh Ngang	1	Cầu Kinh Tư	Giáp ranh Mỹ Bình	250
6	Lộ Kinh 90	1	Giáp Khóm 7 Phường 1	Ngã tư Kinh Ngang ông Hiếu - ông Phong	250
7	Lộ Làng Mới	1	Giáp Mỹ Bình	Giáp Bạc Liêu	250
8	Lộ bà Liếm	1	Cầu Huỳnh Yến	Cầu Hai Nhuận	250
9	Lộ kinh Xóm Lắm	1	Tỉnh lộ 937B	Ngã ba Làng Mới (ông Khởi)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Kênh Tuấn Hớn	1	Giáp Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Hai Hồ	250
		1	Giáp Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Ba Nhánh	250
IV	XÃ MỸ QUỚI				
1	Khu vực Trung tâm xã	ĐB	Đầu ranh đất Hai Di	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	2.500
2	Ấp Mỹ Thành	KV1-VT1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1.000
		KV1-VT3	Cầu Mới	Hết ranh đất Sáu Phi	700
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Sáu Phi	Giáp ranh xã Mỹ Bình	400
		KV2-VT1	Đầu ranh đất bà Hai Di	Giáp ranh xã Mỹ Bình	500
		KV1-VT2	Cầu Tỉnh lộ 937B (Hương lộ 17) đến UBND xã	Hết ranh đất Nhà máy ông Chúng	750
3	Lộ Mỹ Bình - Mỹ Quới	KV1-VT1	Từ đầu lộ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	500
4	Ấp Mỹ Thọ	KV2-VT1	Đầu ranh đất Nhà máy ông Chúng	Hết ranh đất Sáu Quyền	550
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Sáu Quyền	Hết ranh đất ông Tư Thiện	500
5	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937 B)	KV1-VT1	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1.000
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Cầu Số 1 (Cầu Bung Sen)	700
		KV1-VT3	Cầu số 1 (cầu Bung Sen)	Giáp ranh xã Mỹ Bình	500
6	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B	KV1-VT1	Cầu mới	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	900
7	Ấp Mỹ Tường B	KV1-VT2	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Tư Đồi	650
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Tư Đồi	Cầu ông Xi	400
8	Ấp Mỹ Thọ	KV1-VT2	Đầu ranh đất Năm Châu đến đầu voi	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	500
9	Ấp Mỹ Tây A	KV1-VT2	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	650
10	Đường Mỹ Quới - Rộc Lá	KV1-VT1	Giáp khu vực xây dựng chợ Nhà ông Đạt Em)	Cầu mới	1.000
		KV1-VT2	Cầu mới	Hết ranh đất ông Hà Tấn Liêm	450
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Hà Tấn Liêm	Cầu Mỹ Hưng	300
11	Lộ B Mỹ Thành (kênh Thầy Cai Nhâm)	KV2-VT3	Kênh Mương lộ	Giáp ranh xã Mỹ Bình	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	XÃ TÂN LONG				
1	Quốc lộ 61B	KV2-VT1	Cầu ông Tàu giáp xã Thanh Tân	Cầu Cái Trầu	800
		KV1-VT2	Cầu Cái Trầu, KV chợ Tân Long	Hết ranh đất UBND xã Tân Long	1.600
		KV1-VT1	Giáp ranh đất UBND xã Tân Long	Cầu Ba Bọng	800
		KV2-VT1	Cầu Ba Bọng	Giáp xã Long Bình	500
2	Áp Long Thạnh	KV1-VT1	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	820
3	Lộ liên xã Tân Long - Phường 2	KV2-VT2	Cầu Ba Bọng	Hết ranh xã	300
4	Đường vào phố	KV2-VT1	Đầu ranh đất nhà ông Ty	Hết ranh đất nhà ông Hiệp	400
5	Hẻm Trạm Y tế	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Em	Hết ranh nhà máy ông Tư Cư	250
VI	XÃ VĨNH QUỚI				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Cầu Sóc Sãi đến UBND xã	Cầu Đường Tắc	300
2	Đường ô tô	KV1-VT2	Hết tuyến		250
3	Tuyến Kinh Xáng Quản Lộ Phụng Hiệp	KV2-VT2	Cầu Đường Trầu	Cổng Bảy Tươi	250
		KV2-VT2	Cổng Bảy Tươi	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	250
4	Tuyến Kinh Xáng Chìm	KV2-VT2	Giáp ranh ấp 2	Hết đất nhà thờ Cái Trầu	250
5	Tuyến rạch Xéo Sãi	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Sóc Sãi	Hết ranh đất ông Quách Văn Ngon	250
6	Tuyến lộ chùa Ô Chum	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Sóc Sãi	Hết ranh đất Khóm 2 (Phường 1)	250
7	Tuyến lộ ngang chùa Ô Chum	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Lục Bà Tham	Hết ranh đất Khóm 2 (Phường 1)	250
8	Tuyến cứng hóa đê bao	KV2-VT3	Đầu ranh đất nhà Út Tô	Hết đất ông Thanh Văn	250
VII	XÃ LONG BÌNH				
1	Quốc lộ 61B (Tỉnh lộ 937)	KV1-VT1	Giáp kênh Dân quân Khóm 3, Phường 1	Cổng 7 Oanh	700
		KV1-VT2	Cổng 7 Oanh	Hết địa giới xã (giáp Tân Long)	500
2	Lộ A Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp	KV2-VT3	Giáp Khóm 7 Phường 1	Giáp xã Mỹ Bình	250
VIII	XÃ MỸ BÌNH				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Đầu ranh đất Trường học	Cổng Hai Nhân	400
2	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937B)	KV1-VT1	Hết tuyến		300
3	Tuyến Hai Nhân - Mỹ Quới	KV2-VT2	Cổng Hai Nhân	Giáp ranh Phường 3	250
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ranh đất trường học	Giáp ranh xã Mỹ Quới	300
4	Tuyến Cổng Hai - Sáu Hùng	KV2-VT1	Cổng Hai gốc tre	Cổng Sáu Hùng (giáp ranh xã Mỹ Quới)	300
5	Tuyến cầu Nàng Rền	KV2-VT3	Cầu Nàng Rền	Giáp Long Bình	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
C	THỊ XÃ VĨNH CHÂU				
I	PHƯỜNG 1				
1	Đường Trung Trắc	1	Toàn tuyến		12.000
2	Đường Trung Nhị	1	Toàn tuyến		12.000
3	Đường Trần Hưng Đạo	1	Ngã 4 đường 30 tháng 4	Đến ngã 4 đường Lê Lai	8.000
		2	Ngã 4 đường 30 tháng 4	Đến đường Phan Thanh Giản	6.000
		3	Ngã tư Lê Lai	Hết đất Chùa Bà	5.000
		4	Giáp đất Chùa bà	Cầu Ngang	4.000
	Hẻm 2	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 9	1	Toàn tuyến		650
	Hẻm 10	1	Đầu ranh đất ông Đỗ Văn Út	Hết ranh đất bà Kim Thị Út	500
	Hẻm 25	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 36	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 52	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 89	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 125 (Hẻm Ba Cò cũ)	1	Toàn tuyến		650
	Hẻm 145	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 162	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 196	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 301 (Hẻm Khu Thương Nghiep cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 332	1	Toàn tuyến		350
4	Đường Đề Thám	1	Toàn tuyến		4.000
5	Đường 30 tháng 4	1	Cầu Vĩnh Châu	Ngã tư Nguyễn Huệ	7.000
		2	Ngã tư Nguyễn Huệ	Quốc lộ Nam Sông Hậu	5.000
		3	Cầu Vĩnh Châu	Hết đất ông Khuru Lý Minh phía Đông. Hết đất bà Nguyễn Thị Dung phía Tây lộ 30/4	4.500
		4	Giáp đất ông Khuru Lý Minh phía Đông, giáp đất Nguyễn Thị Dung phía Tây lộ 30/4	Đến cầu Giồng Dú	3.500
	Hẻm 16 (cặp Cây xăng số 13 cũ)	1	Toàn tuyến		460
	Hẻm 36	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 44	1	Toàn tuyến		350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 102 (vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	1	Toàn tuyến		750
	Hẻm 137	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 150	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 181	1	Toàn tuyến		460
	Hẻm 186	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 204	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 418	1	Toàn tuyến		300
6	Đường 1 tháng 5	1	Đường 30 tháng 4	Đường số 6	5.000
7	Đường Lê Lợi	1	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	6.000
		2	Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	5.000
		3	Ngã 3 đường Phan Thanh Giản	Hết ranh kho Công ty Vĩnh Thuận	2.000
8	Đường Phan Thanh Giản	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 13	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 21 (Hẻm Cơ khí cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 22 (Đối diện hẻm cơ khí cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 36 (Sau đội quản lý duy tu sửa chữa)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 37 (Vào nhà ông Thống)	1	Toàn tuyến		500
9	Đường Nguyễn Huệ	1	Đầu ranh đất Chùa Ông	Ngã 4 Đường 30 tháng 4	8.000
		2	Ngã 4 Đường 30 tháng 4	Ngã 4 đường Phan Thanh Giản	6.000
		3	Ngã 4 đường Phan Thanh Giản	Giáp đường Thanh niên	5.000
		4	Giáp đường Thanh niên	Ranh phường Vĩnh Phước	3.500
	Hẻm 3	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 143	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 210 (Cặp nhà ông Lâm Hai)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Kim Xê	500
		2	Đoạn còn lại		370
	Hẻm 232	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm số 251 (Cặp nhà ông Phát)	1	Toàn tuyến		2.200
	Hẻm 286	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 305 (Vào nhà ông Sơn Mo Nát)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Mã Quốc Cường	370
		2	Đoạn còn lại		250
	Hẻm 375 (Cặp nhà Trường Dân tộc nội trú)	1	Toàn tuyến		700
	Đường Thanh niên	1	Toàn tuyến		3.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Hẻm 20 (cấp Kho Trương Kết)	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 23 (đối diện Làng nường)	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 56	1	Toàn tuyến		350
11	Đường Đồng Khởi	1	Đường 30 tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	7.000
		2	Đường 30 tháng 4	Cổng Ông Trầm	2.800
		3	Cổng Ông Trầm	Ngã 3 trại giam	1.500
	Hẻm 110	1	Toàn tuyến		400
12	Đồng Khởi nối dài	1	Ngã 3 trại giam	Giáp ranh đất trại giam	400
13	Tỉnh lộ 935	1	Cầu Giồng Dú	Hết đất nhà trọ Thảo Nguyên	1.500
		2	Giáp đất nhà trọ Thảo Nguyên	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1.000
	Hẻm 40	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 188	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 244	1	Toàn tuyến		350
14	Đường Nguyễn Trãi	1	Cầu Vĩnh Châu	Cầu chợ mới	4.000
		2	Cầu Vĩnh Châu	Cổng Ông Trầm	1.100
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Mé sông Vĩnh Thành	1.200
16	Đường Lê Hồng Phong	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 01	1	Toàn tuyến		500
17	Đường Lê Hồng Phong (nối dài)	1	Đầu ranh đất chợ cũ	Giáp ranh đất Khu thương mại mới xây dựng	5.000
18	Đường số 1	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 8	4.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	3.000
19	Đường số 2	1	Đường 1 tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	3.000
		2	Đường 1 tháng 5	Đường số 1	3.000
20	Đường số 3	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	4.000
21	Đường Số 4 (Châu Văn Đơ)	1	Đường 30 tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	3.000
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	1	Toàn tuyến		600
22	Đường số 6	1	Toàn tuyến		5.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Đường số 7	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 8	5.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	3.000
24	Đường số 8	1	Toàn tuyến		5.000
25	Đường Bùi Thị Xuân	1	Đường Trưng Nhị	Đến Lê Lai	5.000
26	Đường Lê Lai	1	Cầu Mậu Thân	Quốc lộ Nam Sông Hậu	5.000
		2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	2.500
		3	Huyện lộ 48	Đê Biển	2.000
	Hẻm 70 (cặp Ngân hàng Chính sách)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	800
		2	Đoạn còn lại		700
	Hẻm 85 (vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	800
		2	Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thềm	700
		3	Đoạn còn lại		500
	Hẻm 99 (vào nhà ông Trọng)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	800
		2	Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	700
	Hẻm 207 (Hẻm 106 cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 289 (Hẻm Lâm nghiệp cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 325 (đối diện Đồn 646)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang	350
		2	Đoạn còn lại		300
	Hẻm 186 (Giồng Giữa)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất Trịnh Văn Tó	500
		2	Giáp ranh đất Trịnh Văn Tó	Hết ranh đất ông Tăng Văn Cuối	350
		3	Đoạn còn lại		300
	Hẻm 210	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 258	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 280	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 352 (vào nhà ông Huỳnh Xà Cộn)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất Ông Châu Xem Tịch	350
		2	Giáp đất ông Châu Xem Tịch	Hết ranh đất bà Ông Thị Xiệu	300
		3	Đoạn còn lại		250
	Hẻm 420	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 280	1	Toàn tuyến		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
27	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	1	Toàn tuyến		600
28	Huyện lộ 48 (Giồng Nhân)	1	Toàn tuyến trong phạm vi Phường 1		1.500
	Hẻm 02	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 18	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 39	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 92	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 118	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 163	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 178	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 197	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 204	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 244	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 261	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 336	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 360	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 376	1	Toàn tuyến		300
29	Đường Lý Thường Kiệt	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 16	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 143	1	Toàn tuyến		250
30	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 221 (đối diện Làng nường)	1	Toàn tuyến		600
	Hẻm 239	1	Đường Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	850
31	Huyện lộ 41	1	Ngã 3 Giồng Dú	Ranh Phường 2	1.500
32	Đường Giồng Giữa (khu 5)	1	Toàn tuyến		1.000
	Hẻm 14	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 24	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 58	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 76	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 100	1	Toàn tuyến		300
33	Đường Mậu Thân	1	Toàn tuyến		800
	Hẻm 74	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 100 (cặp nhà bà Dư)	1	Toàn tuyến		360
34	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Toàn tuyến		650
35	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250
II	PHƯỜNG 2				
1	Huyện lộ 43	1	Ranh Phường 1	Ranh xã Lạc Hoà	1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường đal mới	1	Giáp Huyện lộ 43	Hết ranh nhà ông Trần Phết	300
3	Đường Trần Hưng Đạo	1	Ranh Phường 1	Đến ngã ba Quốc lộ NSH	3.000
4	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Ranh Phường 1	Ngã ba Quốc lộ Nam Sông Hậu	3.000
		2	Ranh đất bà Lâm Thị Đa Ri	Đến hết đất ông Kim Vong	1.500
		3	Vị trí còn lại		1.000
5	Huyện lộ 48	1	Toàn tuyến		900
6	Lộ Dol Chêl	1	Toàn tuyến		400
7	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	1	Toàn tuyến		500
8	Lộ đal Cà Săng Côm	1	Toàn tuyến		400
9	Lộ đal Vĩnh Bình - Vĩnh An (phía Nam lộ Nam Sông Hậu)	1	Toàn tuyến		400
10	Lộ đal Vĩnh Bình - Vĩnh An (phía Bắc lộ Nam Sông Hậu)	1	Toàn tuyến		400
11	Lộ đal Sân Chim - Cà Lăng B	1	Toàn tuyến		400
12	Lộ Giồng Me	1	Toàn tuyến		400
13	Lộ đal Vĩnh Trung	1	Toàn tuyến		400
14	Lộ đal Giồng Nhãn	1	Toàn tuyến		400
15	Lộ đal Đol Chát	1	Toàn tuyến		400
16	Lộ vô chùa Cà Săng	1	Toàn tuyến		500
17	Đường đal	1	Các lộ đal trong phạm vi Phường		250
III	PHƯỜNG VĨNH PHƯỚC				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	2	Cổng PiPu	Hết ranh đất ông Lâm Sóc	3.000
		1	Giáp ranh đất ông Lâm Sóc	Salatel ấp Xẻo Me (khóm Sờ Tại B)	5.500
		3	Cổng Wathpich	Hết đất Cây xăng Thanh La Hương	2.000
		2	Giáp ranh Phường 1	Cổng Wathpich	3.000
		4	Đoạn còn lại		1.000
2	Huyện lộ 48	1	Ngã ba Biển Dưới	Về phía Tây hết đất bà Trần Thị Luối, phía Đông hết ranh đất HTX Muối	900
		2	Đoạn còn lại		700
3	Đường cổng Wathpich	1	Cổng Wach Pich	Huyện lộ 48	400
4	Lộ đal	1	Giáp ranh Phường 1	Giáp Huyện lộ 48	400
5	Tỉnh lộ 936	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Keo	1.500
		2	Từ Cầu Kè	Cầu Dù Há	800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
6	Tỉnh lộ 940	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu 41	800
		2	Cầu 41	Cầu 47	600
		1	Cầu 47	Cầu Chợ Kênh	800
7	Đường Huyện 40	1	Giáp xã Vĩnh Tân	Giáp xã Vĩnh Hiệp	400
8	Đường Nguyễn Huệ	1	Giáp ranh Phường 1	Ngã tư Quốc lộ Nam Sông Hậu	3.500
9	Lộ Phước Tân	1	Đầu ranh đất Trường học Biển Dưới	Giáp ranh giới xã Vĩnh Tân	350
10	Lộ Tà Lét	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	400
11	Lộ Xẻo Me	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	400
12	Hẻm trong chợ Xẻo Me	1	Toàn tuyến		4.600
13	Lộ Đại Trị	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu chợ	5.500
		2	Các đoạn còn lại		1.200
14	Lộ Vĩnh Thành	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Mé sông Vĩnh Thành	1.000
		1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1.000
		2	Đoạn còn lại		250
15	Hẻm cấp Trường DT Nội trú	1	Toàn tuyến		500
16	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250
IV	PHƯỜNG KHÁNH HÒA				
1	Tỉnh lộ 935	1	Từ đầu ranh đất ông Nguyễn Tư Thuận	Hết ranh đất Trường TH Khánh Hòa 2	1.200
		1	Lộ đal Sóc Ngang	Hết đất nhà ông Nhan Hùng	1.200
		2	Mé sông Mỹ Thanh	Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoàng	1.000
		2	Đoạn còn lại		1.000
2	Huyện lộ 41	2	Tỉnh lộ 935	Giáp sông Vĩnh Châu	500
		1	Tỉnh lộ 935	Cầu Bưng Tum	800
		2	Cầu Bưng Tum	Cầu Lầm Thiệt	500
3	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250
V	XÃ LẠC HÒA				
1	Huyện lộ 43	KV1-VT1	Đầu ranh đất chùa Hải Phước An	Hết ranh đất cây xăng Hữu Còn	1.500
		KV1-VT2	Từ tim cống về hướng Bắc (lộ đal)	Hết đất Trạm cấp nước (Ca Lạc)	1.000
		KV1-VT2	Từ tim cống về hướng Bắc (lộ đal)	Hết đất bà Lâm Thị Bep (Ca Lạc A)	1.000
		KV1-VT3	Toàn tuyến trong phạm vi xã		700
2	Đường Ca Lạc - Lèn Buổi	KV2-VT3	Giáp với Huyện lộ 43	Giáp sông Trà Niên	250
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Toàn tuyến trong phạm vi xã		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Lộ Giồng Giữa Đại Bái - Đại Bái A	KV2-VT3	Lộ chùa Đại Bái	Quốc lộ Nam Sông Hậu	250
5	Đường Tăng Du	KV2-VT1	Toàn tuyến		500
6	Đường Ca Lạc Đại Bái	KV2-VT1	Toàn tuyến		500
7	Lộ đal Hoà Nam - Hòa Thành	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
8	Lộ đal Ca Lạc A	KV2-VT3	Toàn tuyến (trừ trung tâm chợ)		250
9	Lộ đal Cao Sắn	KV2-VT3	Lộ Ca Lạc Đại Bái	Lộ Tân Du	250
10	Lộ đal Vĩnh Biên	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
11	Lộ Vĩnh Biên, Vĩnh Thành B	KV2-VT3	Giao Âu Thọ B	Giao với lộ Vĩnh Biên Bà Len	250
12	Lộ đal Vĩnh Biên, Vĩnh Thành B	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
13	Lộ đal Vĩnh Biên Ca Lạc A	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
14	Lộ đal Lền Buối	KV2-VT2	Huyện lộ 43	Hết đất điểm lẻ Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	400
15	Đường đal Điền Thầy Ban Lền Buối	KV2-VT3	Lộ đal Lền Buối	Sông Trà Niên	250
16	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
VI	XÃ VĨNH HẢI				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Chùa Trà Sết	Hết đất Cây xăng Mỹ Hưng	1.500
		KV1-VT2	Đầu đất Trường TH Vĩnh Hải 4	Cầu Mỹ Thanh 2	1.200
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại trong phạm vi xã		1.000
2	Huyện lộ 43	KV1-VT1	Đầu đất nhà ông Huỳnh Mến	Cổng cầu ngang	700
		KV1-VT2	Toàn tuyến		600
3	Lộ Bà Len	KV2-VT1	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng Bắc đến ngã 3 Huyện lộ 43, hướng Nam đến lộ đal khu An Lạc		600
4	Lộ đal Âu Thọ A	KV2-VT2	Toàn tuyến		400
5	Lộ đal Âu Thọ B	KV2-VT2	Toàn tuyến		400
6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất bà Lý Thị Vuông	500
		KV2-VT2	Giáp đất bà Lý Thị Vuông	Hồ Bể	300
7	Tỉnh lộ 113 (cũ)	KV2-VT1	Toàn tuyến		600
8	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
9	Đường lộ đal khu tái định cư khu 1	KV2-VT2	Toàn tuyến		300